

Vietnam Daily Review

Tiếp nối đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/3/2022		•	
Tuần 21/3-25/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Có vẻ như phiên tăng điểm mạnh mẽ hôm qua đã châm lên một ngọn lửa hy vọng cho nhà đầu tư, hôm nay khối lượng giao dịch tăng vọt mạnh mẽ, cho thấy dòng tiền đang ủa trở lại thị trường. Tuy dòng tiền ủng hộ đà tăng của VN-Index và sắc xanh bao phủ hầu hết các ngành, tuy nhiên áp lực chốt lời từ phiên tăng điểm hôm qua khiến chỉ số không thể bật lên quá mạnh. Kết phiên, VN-Index trở lại đóng cửa quanh mốc ngàn năm không “five”, ngưỡng tâm lý rất cứng của thị trường. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ tiếp tục 1 kịch bản cũ đã lặp lại nhiều lần, đó là loanh quanh tại ngưỡng 1505.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/03/2022, phần lớn các chứng quyền đều tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): CII_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **+8.83** điểm, đóng cửa **1503.78** điểm. HNX-Index **+3.05** điểm, đóng cửa **461.35** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.17)**, **MSN (+1.06)**, **NVL (+0.84)**, **DGC (+0.64)**, **VHM (+0.56)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.37)**, **VNM (-0.36)**, **VJC (-0.33)**, **BCM (-0.28)**, **CMG (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26.713** tỷ đồng, tăng **21.92%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 28.486 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 9.23 điểm. Thị trường có **264** mã tăng, 48 mã tham chiếu và **190** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **536.94** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (244.54 tỷ)**, **STB (95.92 tỷ)**, **GEX (92.18 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.07** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1503.78**
Giá trị: 26712.89 tỷ **8.83 (0.59%)**
Khối ngoại (ròng): 536.94 tỷ

HNX-INDEX **461.35**
Giá trị: 3841.42 tỷ **3.06 (0.67%)**
Khối ngoại (ròng): -10.07 tỷ

UPCOM-INDEX **116.80**
Giá trị: 1323.72 tỷ **0.62 (0.53%)**
Khối ngoại(ròng): -10,07 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	111.0	-1.02%
Giá vàng	1,929	-0.37%
Tỷ giá USD/VND	22,872	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,172	-0.28%
Tỷ giá JPY/VND	19,004	-0.67%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	-7.31%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.36%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	244.5	NVL	-144.0
STB	95.9	E1VFN30	-47.3
GEX	92.2	VNM	-46.2
VRE	71.9	VND	-36.2
VHM	67.2	FUESSVFL	-22.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

CII_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: CII có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nền Marubozu hoàn hảo cùng khối lượng tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20 tuy nhiên vẫn ở dưới MA50, MA20 vẫn đang ở dưới MA50 nhưng đang có xu hướng cắt lên. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 34.15, chốt lãi tại ngưỡng 43.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 30.55.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

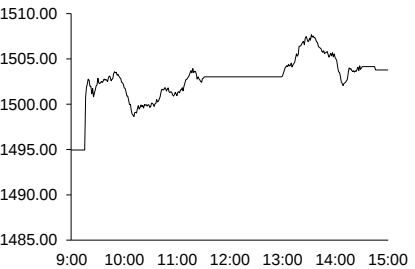
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	1.95%
Dầu khí	1.57%
Thực phẩm và đồ uống	0.93%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.82%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.74%
Bất động sản	0.57%
Tài nguyên Cơ bản	0.55%
Công nghệ Thông tin	0.53%
Truyền thông	0.51%
Ngân hàng	0.49%
Dịch vụ tài chính	0.47%
Xây dựng và Vật liệu	0.36%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.21%
Bảo hiểm	0.17%
Ô tô và phụ tùng	0.13%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.13%
Y tế	-0.34%
Du lịch và Giải trí	-0.75%

Hình 1

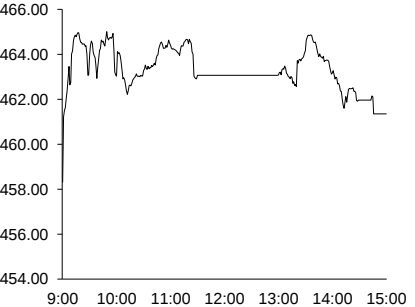
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

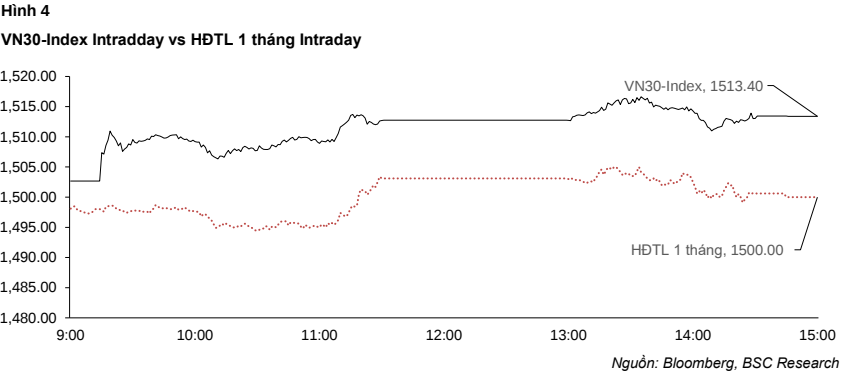
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
21/3/22	KDH	53.3	61.3	51.5	52.8	1	-0.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/3/22	LIG	16	22	14	15.8	4	-1.25%	Có thể tiếp tục mua
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	9.07	5	10.74%	Có thể tiếp tục mua
16/3/22	VTP	70	76	66	72	6	2.86%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	28.6	7	1.42%	Có thể tiếp tục mua
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	27.6	8	12.65%	Cân nhắc không mua thêm (**)
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	16.9	12	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	44.3	19	-0.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	38.8	22	1.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	23.6	26	0.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	26.35	27	6.25%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	21.4	32	8.08%	Có thể tiếp tục mua
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	36.9	35	-4.16%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.9	42	2.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGTT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	44	SL	32	-7.76%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	4	4.66%	-1.64%	2.86%	19
Cổ phiếu đã chốt	238	185	7.74%	-7.26%	5.00%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1500.00	0.34%	-13.40	5.4%	115,791	4/21/2022	32
VN30F2205	1497.60	0.56%	-15.80	-48.1%	124	5/19/2022	60
VN30F2206	1493.30	0.30%	-20.10	-30.4%	64	6/16/2022	88
VN30F2209	1495.20	0.36%	-18.20	-13.9%	31	9/15/2022	179

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 10.73 điểm lên 1513.40 điểm. Các cổ phiếu như STB, MSN, VIC, NVL, TCB đã tác động tích cực đến vận động của VN30. Phiên tăng điểm hôm nay giúp VN30 duy trì xu hướng vận động tích lũy trong vùng 1500-1530 điểm.

- Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm trừ VN30F2204. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng trừ VN30F2209. Điểm số tăng trong khi số lượng hợp đồng mở mới tăng cho thấy xu hướng vận động theo chiều long. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2110	4/8/2022	17	9.98:1	559,700	38.32%	2,200	1,070	33.75%	909	1.18	156,090	142,000	148,500
CSTB2112	5/24/2022	63	1:1	23,900	37.27%	3,800	4,400	13.70%	4,037	1.09	32,180	31,000	34,050
CMSN2104	5/4/2022	43	9.98:1	775,400	38.32%	5,200	3,140	10.95%	3,162	0.99	119,147	0	148,500
CSTB2110	4/27/2022	36	8:1	1,137,400	37.27%	1,000	650	10.17%	554	1.17	38,479	29,999	34,050
CSTB2202	9/20/2022	182	2:1	269,400	37.27%	2,700	4,000	8.11%	3,264	1.23	30,100	29,500	34,050
CSTB2201	9/21/2022	183	5:1	612,800	37.27%	1,500	1,790	7.83%	1,260	1.42	37,138	29,888	34,050
CMWG2114	4/20/2022	29	12:1	423,800	30.42%	2,600	1,150	4.55%	661	1.74	158,800	130,000	135,200
CMWG2111	4/8/2022	17	10:1	218,100	30.42%	1,900	930	3.33%	688	1.35	140,000	130,000	135,200
CMBB2107	4/8/2022	17	2:1	241,400	30.24%	2,200	1,620	3.18%	1,311	1.24	42,520	30,000	32,450
CTPB2101	4/6/2022	15	3.7:1	12,200	40.98%	2,500	2,140	1.90%	1,957	1.09	43,397	33,333	40,500
CMBB2201	9/20/2022	182	2:1	80,300	30.24%	2,700	3,440	1.78%	2,400	1.43	33,500	29,500	32,450
CKDH2107	4/27/2022	36	8:1	291,500	35.27%	1,300	1,300	0.78%	1,151	1.13	48,448	43,888	52,800
CTCB2105	5/4/2022	43	5:1	285,800	29.63%	3,600	1,470	0.68%	1,100	1.34	47,450	45,000	49,900
CPNJ2201	9/20/2022	182	8:1	493,300	32.79%	2,300	2,760	0.36%	2,201	1.25	113,980	95,500	107,000
CVRE2105	5/4/2022	43	5:1	450,000	37.58%	1,200	980	0.00%	766	1.28	30,150	30,000	33,200
CVRE2105	5/4/2022	43	5:1	450,000	37.58%	1,200	980	0.00%	766	1.28	30,150	30,000	33,200
CVRE2110	4/27/2022	36	8:1	94,800	37.58%	1,000	650	-1.52%	464	1.40	35,439	29,999	33,200
CVPB2111	4/20/2022	29	4:1	614,200	31.78%	2,300	1,650	-3.51%	818	2.02	36,680	34,000	36,850
CVPB2111	4/20/2022	29	4:1	614,200	31.78%	2,300	1,650	-3.51%	818	2.02	36,680	34,000	36,850
CVJC2103	4/27/2022	36	20:1	791,500	25.94%	1,500	830	-12.63%	613	1.35	146,799	129,999	140,800
Tổng				7,880,000	34.65%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													
**Trung bình độ lệch chuẩn													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/03/2022, phần lớn các chứng quyền đều tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CACB2102 và CMWG2113 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 66.48% và 33.75%. Giá trị giao dịch giảm -18.62%. CVRE2109 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.56% thị trường.

- CSTB2112, CVRE2114, CVRE2110, và CVRE2105 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2109, CVIC2106, CHPG2114, và CVHM2115 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CSTB2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	135.2	0.2%	0.6	4,190	6.1	6,936	19.5	4.7	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	107.0	1.3%	0.7	1,058	4.4	4,526	23.6	4.0	48.7%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	58.5	0.0%	1.3	1,888	2.3	2,501	23.4	2.1	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	50.6	-0.8%	0.5	515	0.3	3,543	14.3	1.6	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	82.2	1.5%	0.6	13,631	12.9	(759)	N/A	N/A	3.2	12.7%	-3.1%
VRE	Bất động sản	33.2	0.0%	1.1	3,280	5.8	578	57.4	2.5	30.1%	4.4%	
VHM	Bất động sản	78.0	0.6%	1.1	14,767	13.9	9,048	8.6	2.6	23.8%	36.4%	
DXG	Bất động sản	45.2	0.9%	1.3	1,180	24.8	1,942		3.1	30.1%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	44.4	0.1%	1.6	1,914	11.6	2,768	16.0	3.1	37.9%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	59.8	0.5%	1.0	866	3.9	4,512	13.3	3.0	20.4%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	35.9	1.1%	1.6	714	3.6	2,805	12.8	2.2	43.2%	19.5%	
FPT	Công nghệ	96.4	1.2%	0.9	3,804	8.7	4,792	20.1	4.9	49.0%	25.8%	
FOX	Công nghệ	74.4	0.5%	0.4	1,062	0.0	4,926	15.1	4.1	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	115.0	0.9%	1.2	9,570	3.9	4,381	26.3	4.3	2.7%	17.4%	
PLX	Dầu khí	56.8	1.4%	1.5	3,138	4.9	2,337	24.3	2.9	17.0%	12.3%	
PVS	Dầu khí	35.9	2.3%	1.7	746	18.1	1,260	28.5	1.5	8.7%	5.0%	
BSR	Dầu khí	27.0	0.7%	0.8	3,640	7.3	(909)		2.7	41.1%	-8.7%	
DHG	Dược	107.5	-2.4%	0.3	611	0.1	5,720	18.8	3.7	54.2%	20.3%	
DPM	Hóa chất	66.0	5.8%	0.9	1,123	23.4	7,914	8.3	2.5	10.4%	33.5%	
DCM	Hóa chất	44.5	4.3%	0.7	1,023	16.7	3,313	13.4	3.1	7.1%	25.3%	
VCB	Ngân hàng	84.9	0.0%	1.0	17,469	2.9	5,005	17.0	3.6	23.6%	21.4%	
BID	Ngân hàng	43.5	-0.7%	1.2	9,567	5.4	2,090	20.8	2.6	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	33.0	0.5%	1.5	6,895	8.8	2,940	11.2	1.7	25.8%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	36.9	0.1%	1.2	7,122	16.9	2,648	13.9	2.1	17.5%	17.9%	
MBB	Ngân hàng	32.5	0.8%	1.2	5,331	15.6	3,362	9.7	2.1	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	33.3	1.1%	1.1	3,912	4.8	3,554	9.4	2.0	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	59.1	0.0%	0.6	210	0.1	2,618	22.6	2.1	85.1%	9.0%	
NTP	Nhựa	58.8	0.5%	0.4	301	0.2	3,951	14.9	2.6	17.9%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	30.7	1.7%	1.1	1,467	0.8	39	787.2	2.4	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	46.9	0.1%	1.1	9,121	46.5	7,708	6.1	2.3	22.3%	46.1%	
HSG	Thép	38.8	1.6%	1.4	832	27.2	8,581	4.5	1.7	7.3%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	76.9	-0.9%	0.6	6,988	8.0	4,518	17.0	4.9	54.3%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	154.0	1.2%	0.8	4,294	0.8	5,663	27.2	4.7	62.6%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	148.5	2.4%	1.0	7,622	6.2	7,257	20.5	5.3	28.4%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	23.4	0.4%	1.3	640	3.7	1,135	20.6	1.8	7.6%	8.7%	
ACV	Vận tải	89.5	-0.3%	0.8	8,471	0.3	577	155.1	5.2	3.7%	3.4%	
VJC	Vận tải	140.8	-1.7%	1.1	3,316	4.6	2,271		4.5	17.0%	7.7%	
HVN	Vận tải	25.3	0.4%	1.7	2,436	2.0	(6,523)		23.4	6.1%	-267.4%	
GMD	Vận tải	54.6	0.4%	1.0	715	8.2	1,846	29.6	2.6	42.7%	9.1%	
PVT	Vận tải	26.4	1.3%	1.2	371	5.1	2,066	12.8	1.6	10.1%	13.3%	
VCS	Vật liệu xây dựng	106.9	1.2%	0.7	744	0.9	10,538	10.1	3.5	3.7%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	52.0	1.4%	0.3	1,014	1.8	2,729	19.1	3.3	3.9%	18.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	24.2	-0.4%	0.9	401	2.8	966	25.0	1.8	1.8%	7.0%	
CTD	Xây dựng	87.5	1.3%	1.0	281	5.4	310	281.8	0.8	45.6%	0.3%	
CII	Xây dựng	34.2	6.9%	0.9	360	24.7	(1,398)	N/A	N/A	1.7	10.4%	-6.9%
REE	Điện	74.1	2.9%	-1.4	996	3.6	6,002	12.3	1.7	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	43.1	-2.9%	-0.4	441	5.5	2,997	14.4	2.2	5.1%	15.9%	
POW	Điện	16.5	1.9%	0.6	1,680	9.4	759	21.7	1.3	2.1%	6.1%	
NT2	Điện	22.8	-0.2%	0.6	285	0.7	1,778	12.8	1.5	13.7%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	54.6	1.5%	1.2	1,367	18.6	1,593	34.3	2.2	18.2%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	75.8	-1%	1.0	3,411	0.5			5.0	2.6%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	82.20	1.48	1.17	3.63MLN
MSN	148.50	2.41	1.06	969400
NVL	84.10	2.06	0.84	7.10MLN
DGC	213.40	6.97	0.61	3.09MLN
VHM	78.00	0.65	0.56	4.13MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-0.38	2.39MLN	1.11MLN
VJC	0.00	-0.35	744000	607060
BID	0.00	-0.31	2.83MLN	373600
BCM	0.00	-0.29	158800	192700
CMG	-0.01	-0.11	170800	611640

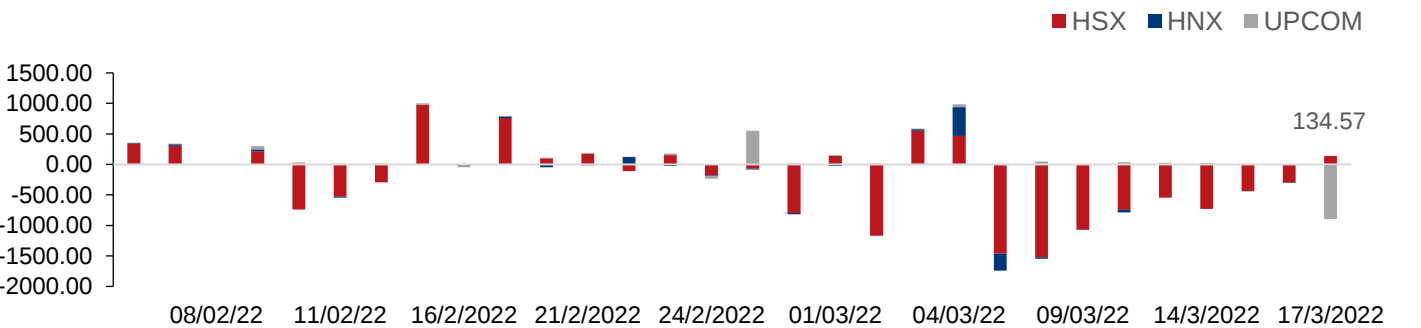
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
COM	53.60	6.99	0.01	2600.00
CTF	24.55	6.97	0.03	658000
NBB	35.30	6.97	0.06	4.22MLN
DGC	213.40	6.97	0.61	3.09MLN
SII	16.90	6.96	0.02	33100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	22.90	-6.91	-0.02	54400
DQC	55.50	-6.88	-0.04	347100
PDN	101.70	-6.70	-0.04	60100.00
CMG	55.20	-6.44	-0.11	170800
TCD	25.30	-5.42	-0.07	4.89MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	40.5	1,006	40.3	2.2	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	42.0	1,968	21.3	2.0	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.0	-909	#N/A N/A	2.7	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	73.2	362	202.2	6.3	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	87.5	310	281.8	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.9	7,200	10.4	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	44.5	3,313	13.4	3.1	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	213.4	13,122	16.3	6.0	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	80.5	5,715	14.1	3.7	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.8	2,448	13.4	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	45.2	1,942	23.3	3.1	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.6	948	27.0	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	16.9	1,454	11.6	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	96.4	4,792	20.1	4.9	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	115.0	4,381	26.3	4.3	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	115.0	4,381	26.3	4.3	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	36.0	3,134	11.5	2.5	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.9	7,708	6.1	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	38.8	8,581	4.5	1.7	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	49.8	157	317.7	4.5	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.8	1,520	13.0	0.9	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.8	1,520	13.0	0.9	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.9	689	24.5	1.3	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	52.8	1,833	28.8	3.3	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.2	5,898	8.7	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	78.7	8,820	8.9	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	135.2	6,936	19.5	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	49.4	10,793	4.6	1.9	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	59.0	3,055	19.3	2.5	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.8	1,778	12.8	1.5	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	43.1	2,997	14.4	2.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	107.0	4,526	23.6	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	107.0	4,526	23.6	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.5	759	21.7	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.6	3,543	14.3	1.6	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	35.9	1,260	28.5	1.5	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.5	4,085	8.9	3.3	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.7	14,346	2.9	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	74.5	3,013	24.7	5.1	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.3	2,375	10.7	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.4	570	44.6	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	85.4	6,052	14.1	2.7	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	76.9	4,518	17.0	4.9	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.2	578	57.4	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.3	3499.1	12.7	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,646	17.4	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639